

Số: **198/2021/QĐST-HNGĐ**

Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992.

- Chị Cao Thị Mỹ D, sinh năm 1992.

Cùng cư trú tại: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị Mỹ D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 018, ngày 30 tháng 3 năm 2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh H và chị D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Anh H và chị D có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/11/2018; anh H và chị D thống nhất sau khi ly hôn, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị D tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị D thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Anh H và chị D mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị Mỹ D thuận tình ly hôn với nhau.

1.2. *Về con chung:* Chị Cao Thị Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/11/2018.

1.3. *Về cấp dưỡng:* Anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị Mỹ D tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị Mỹ D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị Mỹ D mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), tổng cộng là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000700 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Vọng